

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 11 - 2021.

V/v “*Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Hiện đang chấp hành án tại Đội 4 Phân trại I Trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam)

(*Chị H và anh K đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường Thanh T, thành phố P), tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn K phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà. Nay chị Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K; anh Nguyễn Văn K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Chị H và anh K cùng thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Ngân H (con gái), sinh ngày 02/5/2014, hiện nay cháu H đang do chị H nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn, chị H và anh K cùng thống nhất: Giao chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh K cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 26/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường Thanh T, thành phố P), tỉnh Hà Nam và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Việc chị H và anh K có mâu thuẫn do anh K đi chấp hành án. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh K tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị H, anh K có một con chung là cháu Nguyễn Ngân H (con gái), sinh ngày 02/5/2014. Nếu chị H và anh K ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K.

+ Về con chung: Giao chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngân H (con gái), sinh ngày 02/5/2014, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

+ Ân phí ly hôn sơ thẩm: chị H và anh K nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn K có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên toà là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng chị H, anh K đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có một con chung, sau đó vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân là do anh K vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù. Thực tế cho thấy chị H xin ly hôn thì anh K cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của chị H và anh K.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngân H (con gái), sinh ngày 02/5/2014. Từ khi anh K đi chấp hành án đến nay cháu H do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị H và anh K cùng thống nhất: Giao chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung giữa chị H và anh K là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời cũng phù hợp với tình hình thực tế của chị H và anh K. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của chị H và anh K.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị H không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H và anh K phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Nguyễn Ngân H (con gái), sinh ngày 02/5/2014, cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K mỗi người phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ. Chị H được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004846 ngày 21/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị H được nhận lại 150.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị H và anh K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA DS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường T, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Duy